

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2022

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Mạnh Quyết

2. Ông Trần Văn Nhị

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06/4/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 13/5/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hà Mỹ T**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp BT, xã MB, huyện TT, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Quốc Kh**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp 2, xã NT, huyện TT, tỉnh Long An.

(Bà Hà Mỹ T có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Trần Quốc Kh vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Hà Mỹ T trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Bà và ông Kh có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 20/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã NT. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng bà không còn tin tưởng nhau làm cuộc sống hôn nhân ngày càng rạn nứt, bế tắc và không thể hàn gắn được. Bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân với ông Kh được 5 tháng. Nay bà thấy không thể hàn gắn với ông Kh nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Kh có 02 con chung tên Trần Ngọc Tr, sinh ngày 12/12/2012 và Trần Trọng Nh, sinh ngày 10/10/2017. Hiện nay, Trần Trọng Nh đang sống với bà, còn Trần Ngọc Tr đang ở với ông Kh. Khi ly hôn, bà yêu cầu

được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con. Bà đi làm công nhân, lương tháng khoảng 10.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trần Quốc Kh trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có văn bản ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của bà Mỹ T, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Bà Hà Mỹ T nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quốc Kh, căn cứ nơi cư trú của bị đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Hà Mỹ T có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Trần Quốc Kh vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Ông Trần Quốc Kh vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Mỹ T. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Căn cứ lời trình bày của bà Mỹ T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mỹ T và ông Kh được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà Mỹ T kiên quyết xin ly hôn với ông Kh vì không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân này. Ông Kh không đưa ra được bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án thể hiện ông không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn trong hôn nhân giữa 2 bên là trầm trọng, yêu cầu xin ly hôn của bà Mỹ T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung:

Bà Mỹ T xác định bà và ông Kh có 02 con chung tên Trần Ngọc Tr, sinh ngày 12/12/2012 và Trần Trọng Nh, sinh ngày 10/10/2017. Hiện nay, Trần Trọng Nh đang sống với bà Mỹ T, còn Trần Ngọc Tr đang sống với ông Kh. Khi ly hôn, bà Mỹ T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, theo bản tự khai của cháu Trần Ngọc Tr thể hiện: “Hôm nay, em Trần Trọng Nh đang ở với mẹ. Con đang sống với ba nhưng con muốn về ở với mẹ. Con thích mẹ hơn”. Như vậy, Trần Ngọc Tr có nguyện vọng được sống chung với bà Mỹ T, còn Trần Trọng Nh thì đang sống chung với bà Mỹ T. Từ khi vụ án được thụ lý cho đến nay, ông Kh không đến Tòa án cũng như không có phản hồi gì về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, nhằm ổn định cuộc sống, không làm thay đổi hoàn cảnh sống ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của cháu Trần Trọng Nh và thể theo nguyện vọng của cháu Trần Ngọc Tr, nên chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà Mỹ T. Ông Kh phải có trách nhiệm giao con chung Trần Ngọc Tr cho bà Mỹ T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Khi khởi kiện, bà Mỹ T yêu cầu ông Kh phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/2 con nhưng sau đó bà Mỹ T xác định không yêu cầu. Do đó, ông Kh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông Kh được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về nợ chung: Bà Mỹ T xác định không có nợ chung. Ông Kh không có ý kiến phản hồi về nợ chung và cho đến khi xét xử sơ thẩm không có ai khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nợ chung của vợ chồng bà Mỹ T, ông Kh nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung: Bà Mỹ T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Kh không có ý kiến phản hồi về phân tài sản chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà Mỹ T là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Mỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Ông Kh không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Mỹ T về việc “Ly hôn” đối với ông Trần Quốc Kh.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Mỹ T được ly hôn với ông Trần Quốc Kh.

2/ Về con chung: Bà Hà Mỹ T và ông Trần Quốc Kh có 02 con chung.

Giao 02 con chung tên Trần Ngọc Tr, sinh ngày 12/12/2012 và Trần Trọng Nh, sinh ngày 10/10/2017 cho bà Hà Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông Trần Quốc Kh không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Hà Mỹ T không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông Trần Quốc Kh được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí:

Bà Hà Mỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002359, ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bà Hà Mỹ T không phải nộp thêm.

Ông Trần Quốc Kh không phải chịu án phí.

4/ Án xử sơ thẩm công khai, bà Hà Mỹ T và ông Trần Quốc Kh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc từ ngày niêm yết bản án.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND xã NT;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Mỹ Phượng